

# ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

*Tiến sĩ Đặng Kim Sơn*

## **I. Mô hình tăng trưởng vừa qua gây ra nhiều vấn đề với phát triển nông nghiệp nông thôn**

### **1. Phát triển đô thị và công nghiệp thiếu gắn kết nông thôn và nông nghiệp**

Phát triển nông nghiệp mở đường phát triển công nghiệp. Tây Âu giai đoạn 1750 - 1800 đã thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyên nông nghiệp thành sản xuất hàng hóa lớn. Khoai tây trở thành cây lương thực mới, thay đổi mùa vụ và kiểm soát dịch bệnh khiến dân số bùng nổ tăng gấp rưỡi đến gấp đôi sau 50 năm. Nhu cầu sinh kế mới tăng vọt trong cơ chế thị trường sôi động đã chuyển đông đảo lao động sang các ngành nghề phi nông nghiệp, xã hội nông thôn chuyển thành đô thị. Việt Nam sau 37 năm đổi mới, thành công to lớn trong nông nghiệp và phát triển kinh tế cũng thúc đẩy quá trình này diễn ra với tốc độ nhanh chóng. Năm 1976, số dân Việt Nam xấp xỉ 50 triệu, sau 40 năm, đến năm 2025, sẽ đạt 100 triệu người.

Tuy nhiên, Việt Nam và các “nước đang phát triển” bước vào quá trình công nghiệp hóa đô thị hóa trong bối cảnh khác hẳn với các quốc gia công nghiệp đi trước. Trong công cuộc công nghiệp hóa Âu Mỹ trước đây, công nhân làm việc hơn 14 giờ/ngày, trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm,... với mức lương rẻ mạt, đãi ngộ tồi tệ và điều kiện sống tệ hại. Phải trải qua hàng loạt cuộc cách mạng và đấu tranh trong hàng trăm năm, công nhân và thị dân mới giành được vị trí thỏa đáng. Ngược lại, các thành phố khi đó mở rộng cửa cho dân di cư, công việc ở đô thị và công nghiệp thu hút lao động chính thức. Còn tại Việt Nam hôm nay, người lao động thuộc mọi tầng lớp có thu nhập tương đối, cư dân thành thị và nông thôn đều có điều kiện sống tốt hơn hẳn xưa kia. Nhu cầu việc làm của người lao động và yêu cầu đô thị hóa đang trở thành tất yếu. Tuy nhiên, nhu cầu thu hút việc làm của các ngành công nghiệp lại hạn chế, các đô thị lớn không có khả năng đón nhận một lượng lớn dân cư nông thôn đổ về.

Theo qui luật kinh tế truyền thống, lao động thừa từ nông thôn nếu được tiếp

thu chính thức vào các ngành phi nông nghiệp và gia đình họ di cư theo được hội nhập một cách hài hòa vào cuộc sống đô thị thì sẽ giúp phát triển cả kinh tế và xã hội của hai phía. Nhưng trong thực tế hiện nay, do tốc độ phát triển doanh nghiệp chậm hơn so với nhu cầu mở mới sinh kế và việc làm nên lao động đổ ra từ nông nghiệp chỉ được đưa vào “thị trường phi chính thức”; đồng thời, do phát triển đô thị tập trung vào Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nên gia đình họ khó được tiếp nhập vào cuộc sống đô thị hoặc bị đẩy vào tình trạng “ngụ cư loại hai” yếu thế. Đây là kiểu mô hình “kinh tế kép” đã được Lewis khái quát từ năm 1954: bị chia cắt thành một bên là vài đô thị hiện đại, giàu có được quốc tế hóa, còn lại phần lớn lãnh thổ là nông thôn và dân cư là nông dân lạc hậu, nghèo nàn.

Rõ ràng mô hình phát triển chia tách giữa nông thôn làm nông nghiệp và cả các địa phương phát triển công nghiệp với hai đô thị chính đang tạo ra sự mất cân bằng giữa phát triển kinh tế phi nông nghiệp với xã hội và môi trường đô thị. Lao động phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ trên 90% tổng lao động đang làm việc trong tỉnh Đồng Nai nhưng vẫn còn tới 56% dân số sống ở nông thôn. Thành phố Hồ Chí Minh có bốn huyện (Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè và Cần Giờ) đạt chuẩn nông thôn mới, 56 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, 50 xã đạt chuẩn “nâng cao”. Nhưng dù đã đạt chuẩn “mới mở rộng” hay “mới nâng cao” thì vẫn là “nông thôn”. Tình trạng này rõ rệt nhất ở các tỉnh “thuần nông”. Năm 2019, Nam Định có 100% xã và 100% huyện về đích nông thôn mới, 80% hộ có thu nhập phi nông nghiệp, khoảng cách thu nhập đô thị - nông thôn chỉ chênh nhau 1,35 lần nhưng tỷ lệ đô thị hóa vẫn rất thấp (18,2% ở mức thứ 44/63 cả nước).

So với đô thị, người dân nông thôn thua thiệt về thu nhập, mức sống và nguy cơ chính là thiếu cơ hội phát triển tương lai. Về học vấn, học sinh nông thôn đi học bình quân 8,1 năm so với 10,9 năm ở thành thị, tỷ lệ đi học nông thôn càng lên cấp cao càng thấp. Đến cấp 3, trẻ em nông thôn còn 68,1% đi học, so với 81,1% ở đô thị. Về cơ hội việc làm, năm 2019, 43,6% lao động nông thôn làm việc thủ công, tiếp đó 39% là các nghề đơn giản, chưa đến 7% làm kỹ thuật bậc trung và quản lý trong khi tỷ lệ ở lao động đô thị là 26,7% làm dịch vụ, 25% làm việc cao cấp, 16,4% có kỹ thuật cao. Năm 2019, tỷ lệ lao động đang làm việc chưa đào tạo ở nông thôn 85,2% so với đô thị 60,9%. Thu nhập trung bình hộ nông thôn năm 2018 chỉ tương đương 53% đô thị còn chi tiêu chỉ bằng 59,2%. Dân nông thôn chiếm hơn 60% dân số cả nước đã kéo thấp mức tiêu dùng chung, thu hẹp quy mô thị trường.

Trong thế kỷ XX, làn sóng công nghiệp hóa đầu tiên ở Âu Mỹ hay làn sóng thứ hai ở Đông Bắc Á, người di cư lao động và trí thức, doanh nhân là đối tượng chính lập nghiệp làm chủ các thành phố tương lai. Tại Việt Nam, lao động thiếu việc làm ở nông thôn chiếm 82,4% cả nước và hơn gấp đôi đô thị, phải di cư đến các vùng công nghiệp như đồng bằng sông Hồng 41,8%, trung du miền núi phía Bắc 40,5% và Đông Nam Bộ 37,6%. Nhưng tại đây, không đầu tư đủ hạ tầng xã hội (ký túc xá, nhà trẻ, văn hóa, đào tạo, bảo hiểm xã hội, v.v.). Phần lớn lao động đăng ký tạm trú, không có hộ khẩu, nên gặp nhiều khó khăn về nhà ở, chữa bệnh hay cho con cái đi học. Lao động di cư Việt Nam dù có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hơn và trẻ hơn gấp đôi người không di cư vẫn phải chịu tỷ lệ thất nghiệp cao gấp 5 lần so với mức trung bình cả nước (9,49%)<sup>1</sup>. Họ đóng góp cho phần vinh, hoa lệ đô thành nhưng tỷ lệ hộ nghèo là 35% so với mức của đô thị là gần 20%<sup>2</sup>.

## **2. Thành phố lớn quá tải, nông thôn tụt hậu, công nghiệp hóa không cân đối với đô thị hóa.**

Ngay tại thủ đô Hà Nội, tỉnh Hà Tây nhập về từ năm 2008, tăng thêm cho thành phố 2.193,41 km<sup>2</sup> đất đai nhưng không được hưởng thêm cơ sở hạ tầng và dịch vụ mở rộng. Sau 12 năm, có 2 huyện được chuyển thành quận là Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm. Huyện Hoài Đức đã không đạt kế hoạch thành quận năm 2020 chủ yếu do chưa đạt các chỉ tiêu về hệ thống giao thông, cung cấp nước sạch, trường học, trạm y tế, bãi trung chuyển rác thải. Phần lớn địa bàn nông thôn từ khi sát nhập đến nay vẫn là nông thôn<sup>3</sup>. Trong giai đoạn 2008 - 2018, Hà Nội đầu tư tới 18.000 tỷ đồng và gần 3/4 trong số đó được giành cho 14 xã và thị trấn của Hà Tây cũ và Mê Linh nhưng thu nhập bình quân đầu người nông thôn năm 2017 vẫn chỉ có 38 triệu đồng/năm so với mức trung bình thành phố là 86 triệu. Tình trạng các huyện ngoại ô vẫn ở trong tình trạng nông thôn chậm phát triển hơn cũng diễn ra ở thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các thành phố lớn chậm phát triển ra không gian xung quanh nên các “siêu đô thị” trên thế giới trở thành “hố đen” hút tài nguyên và di cư gây quá tải toàn diện. Tại Hà Nội, phương tiện giao thông tăng 18 - 20%/năm khi diện tích đất giao thông còn dưới 9%<sup>4</sup> so yêu cầu tiêu chuẩn 20 - 25%. Mật độ phương tiện vượt

<sup>1</sup> Số liệu từ “báo cáo lao động việc làm năm 2019” của Tổng Cục Thống kê

<sup>2</sup> Số liệu từ “báo cáo tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019” của Tổng Cục Thống kê

<sup>3</sup> Hòa An, *Tháo gỡ ‘nút thắt’ để 5 huyện phát triển lên quận*. Công Thông tin điện tử Chính phủ (06/2021)

<sup>4</sup> Tỷ lệ này thậm chí chưa bằng các siêu đô thị như Thượng Hải, Seoul, Singapore và Tokyo đều đạt trên 12%

thiết kế đường 3 - 4 làn, giờ cao điểm có nơi vượt 22 làn<sup>5</sup>. Công suất giường bệnh viện gấp 2 quy định. Diện tích đào tạo và nghiên cứu/sinh viên theo quy định là 2,8m<sup>2</sup> nhưng đại học ở Hà Nội có chưa đầy 1m<sup>2</sup> đất<sup>6</sup>, lớp học tiểu học ở nhiều quận trung tâm có sĩ số lên tới 55 - 60 học sinh/lớp so với tiêu chuẩn 35 học sinh/lớp. Hà Nội năm 2010 có 73.000 căn hộ, năm 2019 tăng lên 300.000 mà vẫn thiếu hơn 2,1 triệu m<sup>2</sup> sàn nhà ở xã hội. Thành phố Hồ Chí Minh có gần 500.000 hộ chưa có nhà, chiếm 1/4 tổng số hộ của thành phố. Mức ô nhiễm hai đô thị cao nhất cả nước với vấn nạn úng ngập đã diễn ra nhiều năm.

Với các tỉnh xung quanh, 2 thành phố nhờ lợi thế có sẵn về đầu môi logistics, trung tâm khoa học công nghệ, chuyên gia và có thị trường lớn tạo ra ảnh hưởng ràng buộc tự nhiên, phát triển lan ra các dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị v.v. bằng đầu tư trong và ngoài nước, hình thành 2 trục kinh tế năng động và mạnh mẽ nhất. Hà Nội tiếp nhận 12,8% đầu tư toàn xã hội và đóng góp 9,9% GDP quốc gia và dẫn dắt kinh tế cho 11 tỉnh thành đồng bằng sông Hồng. Tính riêng trong đồng bằng sông Hồng, Hà Nội chiếm 35% tổng dân số, 33,7% tổng lao động, 60,4% vốn nhà nước, thu hút 38,3% vốn tư nhân và đóng góp 37,6% tổng GDP của đồng bằng. Thành phố Hồ Chí Minh thu hút 17% đầu tư xã hội để sản xuất 19,18% tổng GDP quốc gia. Thành phố này chiếm hơn 50% dân số, 50% lao động, 53% vốn nhà nước, 77,7% vốn tư nhân và đóng góp tới 55% GDP của vùng Đông Nam Bộ,

Phụ thuộc vào 2 thành phố, các tỉnh xung quanh tuy công nghiệp phát triển nhưng đô thị vẫn thui chột. Tỉnh Đồng Nai năm 2019, công nghiệp và dịch vụ đóng góp tới 92% GRDP. Năm 2015, thị xã Long Khánh được công nhận là đô thị loại III, năm 2019 trở thành thành phố trực thuộc tỉnh nhưng vẫn thiếu bệnh viện, trường học, cơ sở văn hóa, cơ sở nghiên cứu khoa học. Đô thị loại II Nhơn Trạch được phê duyệt năm 1996 với diện tích trên 8.000 ha, bỏ hoang hơn 20 năm nay vì chưa có cầu, không kết nối đường cao tốc hay cảng. Trong khi đó, hàng vạn chuyên gia cao cấp của nhiều doanh nghiệp FDI - với mức thu nhập cao nhất nước, là cư dân lý tưởng cho các thành phố công nghiệp - đều sống ở thành phố Hồ Chí Minh và chỉ đến làm việc trong ngày ở tỉnh. Hàng vạn công nhân và gia đình di cư đến Đồng Nai làm việc sống chen chúc trong các khu trọ thiếu thốn tiện nghi và dịch vụ. Bản thân họ không có cơ hội tương lai, gia đình họ không định cư ổn định.

<sup>5</sup> Đại diện như đường Lê Văn Lương, Láng, Phạm Hùng nằm trên vành đai 3.

<sup>6</sup> Kết quả kiểm tra từ các đoàn công tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018, đưa tin của báo Tuoitre.vn.

### **3. Cư dân nông thôn thiếu cơ hội phát triển, lao động khó chuyển sang phi nông nghiệp**

Có tới 60% lao động phi chính thức ở nông thôn<sup>7</sup>, sinh kế bấp bênh khiến họ vẫn giữ lại đất nông nghiệp, kìm giữ tích tụ, mở rộng quy mô ruộng đất. Lao động phi chính thức chiếm tới 57,2% tổng lao động hộ phi nông nghiệp, cộng cả hộ nông nghiệp thì chiếm đến 78,6%. Trong nhóm “lao động có việc làm dễ bị tổn thương” họ chiếm 43,9% so với 14,0% lao động chính thức, nữ giới làm những việc dễ tổn thương cao hơn nam giới gần 20%. Thời gian làm việc của lao động phi chính thức làm công ăn lương là 49,2 giờ/tuần, hơn 2 giờ so với lao động chính thức và hơn quy định (48 giờ/tuần). Lương bình quân thấp hơn, chỉ khoảng 4,4 triệu đồng/tháng so với nhóm chính thức (6,7 triệu đồng/tháng). Hầu hết không có bảo hiểm xã hội. Đối với họ, tai nạn, thai sản, già yếu, bệnh tật là rủi ro tự chịu, chỉ có 0,2% được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, 1,9% đóng bảo hiểm tự nguyện<sup>Error! Bookmark not defined.</sup>. Lao động phi chính thức chiếm đến 71,9% tổng số lao động có việc làm phi nông nghiệp mà chỉ 14,8% qua đào tạo, đang kéo thấp năng suất lao động chung của Việt Nam xuống bằng 7,3% Singapore, 18,9% Malaysia, 37% Thái Lan, 45% Indonesia và 62% các nước thu nhập trung bình thấp năm 2018. Đóng góp của nông nghiệp trong GDP giảm còn 13% nhưng còn tới vẫn thu hút tới 37,6% lao động. Chậm rút lao động là chậm tích tụ đất.

Hiện nay, phong trào phát triển nông thôn mới đang lan rộng theo quy mô từ xã lên cả huyện rồi cả tỉnh được công nhận là đơn vị “nông thôn mới”. Các tỉnh thuần nông như Nam Định phát triển nông thôn khá tốt. Năm 2019, Nam Định có 100% xã và 100% huyện về đích nông thôn mới, 80% hộ có thu nhập phi nông nghiệp, khoảng cách thu nhập đô thị - nông thôn chỉ chênh nhau 1,35 lần nhưng tỷ lệ đô thị hóa vẫn rất thấp (18.2% ở mức thứ 44/63 cả nước). Ngay các tỉnh công nghiệp cũng có chung tình trạng. Tỉnh Đồng Nai năm 2019, công nghiệp và dịch vụ đóng góp tới 92% GRDP và lao động phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ trên 90% tổng lao động đang làm việc trong tỉnh, nhưng lại vẫn còn tới 56% dân số sống ở nông thôn. Thành phố Hồ Chí Minh có bốn huyện (Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè và Cần Giờ) đạt chuẩn nông thôn mới, 56 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, 50 xã đạt chuẩn “nâng cao”. Nhưng dù đã đạt chuẩn “mới mở rộng” hay “mới nâng cao” thì vẫn là “nông thôn”.

### **4. Cả nước chạy đua phát triển công nghiệp, không phát huy lợi thế đa**

<sup>7</sup> Số liệu từ “báo cáo lao động phi chính thức năm 2016” của Tổng cục Thống kê

## **dạng từng vùng miền**

Để có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, Việt Nam và nhiều nước đang phát triển phấn đấu giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế mà ít quan tâm đến đặc điểm và lợi thế đa dạng. Đầu tư công nghiệp chế biến chế tạo tăng từ 19,25% năm 2005 lên 27,35% năm 2019. Đầu tư dịch vụ cũng tăng, tập trung vào vận tải, kho bãi 9,70%. Vốn vào kinh doanh bất động sản và xây dựng tăng nhanh rất từ 2016 lại đây. Đầu tư dịch vụ phục vụ (bán buôn bán lẻ, lưu trú, ăn uống) tăng trong khi cho dịch vụ thương mại (giáo dục, đào tạo, thông tin, truyền thông, khoa học công nghệ) giữ nguyên và giảm. Tuy sản xuất nông nghiệp vẫn đóng góp 30,1% tổng GDP đồng bằng sông Cửu Long, 39,8% GDP Tây Nguyên, 17,7% Bắc Trung Bộ và duyên hải miền trung, 19,9% GDP miền núi phía bắc góp, tạo ra việc làm và thu nhập cho phần lớn dân cư nông thôn, nhưng đầu tư cho nông nghiệp chỉ tổng chiếm 5 - 6% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.

Ưu tiên phát triển công nghiệp trở thành mục tiêu chung cho các địa phương, cơ cấu kinh tế các vùng khá giống nhau ở các nhóm ngành. Phần lớn các vùng (trừ Tây Nguyên) đều ưu tiên công nghiệp chế biến chế tạo, ngành này góp tới 32% GDP đồng bằng sông Hồng, 30,4% Đông Nam Bộ, 22,5% Bắc Trung Bộ và duyên hải miền trung, 22,3% miền núi phía Bắc và 19% đồng bằng sông Cửu Long. Tại những nơi thiếu điều kiện phát triển công nghiệp như ở đồng bằng sông Cửu Long sẽ phải vận chuyển vật liệu đổ nền, đắp đê ngăn lũ, dẫn điện từ xa, đưa cán bộ kỹ thuật về v.v. ở các tỉnh miền núi phải mở đường giao thông, đưa lao động đến v.v. làm giảm khả năng cạnh tranh của ngành. Giai đoạn 2005 - 2018, đất phi nông nghiệp tăng từ 9,76% lên 11,40% chủ yếu làm công nghiệp và đô thị. Đa số diện tích tăng ở các vùng có lợi thế nông nghiệp nhất như Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Hưng Yên ở đồng bằng sông Hồng và Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ ở đồng bằng sông Cửu Long vốn là các địa phương “bờ xôi, ruộng mật” đã xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi hoàn chỉnh.

Các địa phương thuần nông phải đối đầu với 2 vấn đề. Một là, tăng trưởng kinh tế chậm. Ví dụ Nam Định tăng trưởng GRDP hơn 7% (2015 - 2018), đứng thứ 11/11 ở đồng bằng sông Hồng, đóng góp khoảng 1% thu ngân sách vùng. An Giang, Đồng Tháp, Thái Bình... phải duy trì diện tích lúa tối thiểu để đảm bảo an ninh lương thực trong khi giá lúa tăng chậm hơn giá vật tư và tăng chậm hơn nông sản khác làm giảm thu nhập nông dân và địa phương. Hai là, người dân thiếu việc làm, thu nhập thấp. Đồng Tháp năm 2020 có 2.476 doanh nghiệp thu hút 65.500 lao

động, chiếm 7,29% tổng số, hơn 2.000 lao động đi xuất khẩu, chiếm 0,22% lao động. Nam Định xuất khẩu 10.000 lao động, chiếm 0,87% tổng số. Để cải thiện đời sống, lao động các tỉnh thuần nông di cư mạnh sang các vùng công nghiệp phát triển, đô thị lớn, ra nước ngoài. Kết cấu xã hội về tuổi, giới tính, trình độ văn hóa, tay nghề ngày càng mất cân đối, khó phát triển nông thôn, đô thị.

Các tỉnh công nghiệp cũng phải đương đầu với hai vấn đề khó xử lý. Thứ nhất là bẫy “sản xuất gia công” - làm ra nhiều mà thu chẳng bao nhiêu. Ví dụ tỉnh Thái Nguyên có 101 doanh nghiệp FDI đang hoạt động thì 44 doanh nghiệp báo lợi nhuận trước thuế âm<sup>8</sup>. Samsung có 4 nhà máy tại Việt Nam, doanh thu năm 2018 khoảng 67,15 tỷ USD (bằng 30% doanh thu toàn cầu của hãng) nhưng lợi nhuận của sản xuất tại Việt Nam chỉ có 4,7 tỷ USD (11,6% lợi nhuận toàn cầu của hãng)<sup>9</sup>. Thứ 2 là công nghiệp hóa kinh tế không kéo theo đô thị hóa. Đông Nam Bộ công nghiệp mạnh nhất nước (không kể thành phố Hồ Chí Minh) tỷ lệ công nghiệp và dịch vụ tới hơn 90% GRDP nhưng đô thị hóa chỉ 46% năm 2019 và chịu sức hút, cạnh tranh mạnh của Thành phố Hồ Chí Minh.

## **II. Mô hình tăng trưởng mới tạo cơ hội phát triển nông nghiệp, nông thôn hài hòa với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.**

### **1. Gắn kết xây dựng nông thôn mới với phát triển đô thị.**

Mục tiêu “xây dựng nông thôn mới” không phải chỉ để tạo ra các hình mẫu để nông thôn cải thiện điều kiện sống mà mục đích chính phải là tạo ra động lực và mở ra cơ hội cho nông thôn phát triển theo kịp mức hiện đại hóa của đất nước. Đích đến cuối cùng là mức sống, điều kiện sống và làm việc của cư dân cả nước phải công bằng trong sự đa dạng và tiếp nối với truyền thống dân tộc. Với mục đích đó, nên phân chia nông thôn ra một số loại hình tương lai chính để quy hoạch phát triển, thu hút đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng cho phù hợp. Một hướng gợi ý như sau:

Tại các vùng ven đô, công nghiệp và dịch vụ mạnh, dân số đông thì mục tiêu phát triển nông thôn phải là xây dựng đô thị, xây dựng nông thôn thành thành phố, nông dân thành thị dân. Tất nhiên, đô thị phát triển từ nông thôn phải là đô thị xanh: xây dựng thấp tầng, gắn với vườn và sinh cảnh, tránh “nhà ống hóa”, bê tông hóa.

<sup>8</sup> Nguyễn Xuân Thành và nhóm nghiên cứu Fulbright, *Báo cáo kết quả nghiên cứu đề án nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thái Nguyên và vai trò của Samsung*, Đại học Fulbright Việt Nam (2020).

<sup>9</sup> Theo báo Korea Business.

Ở vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn nông nghiệp thì mô hình phát triển nông thôn nên hình thành các cụm dân cư thị trấn - thị tứ (township) phát triển lên từ các làng xã hiện tại để cung cấp dịch vụ phục vụ đời sống văn minh và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho các trang trại. Các cụm dân cư tập trung này gắn liền với các vùng chuyên canh tổ chức sản xuất hàng hóa lớn như vùng trồng cây lương thực, vùng cây ăn quả, vùng chăn nuôi, vùng nuôi trồng thủy sản, v.v. Cụm có thể tập trung gọn thành khu trên nền làng xã cũ như ở đồng bằng sông Hồng hay cũng có thể chạy dài theo kênh rạch và tập trung ở các điểm giao cắt giao thông thủy như ở đồng bằng sông Cửu Long.

Các vùng xa, vùng sâu, vùng sản xuất nông nghiệp đặc sản, địa phương có lợi thế văn hóa, lịch sử, cảnh quan, gắn với bảo tồn môi trường tự nhiên, phát triển du lịch thì nên xây dựng các khu dân cư tại địa bàn tập trung, an toàn, thuận lợi cho phát triển đời sống văn minh, để duy trì, phát triển văn hóa, cảnh quan làng - bản truyền thống. Đây là vùng phải ưu tiên phát triển và gìn giữ sắc thái nông thôn cổ truyền, từ kiến trúc đến cảnh quan.

## **2. Phát triển đô thị lớn gắn bó hài hòa với nông thôn và đô thị địa phương**

Để hạn chế bớt xu hướng phát triển thành siêu đô thị, giảm tải cho Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, cần phân cấp, điều chỉnh lại vai trò, giảm bớt các chức năng của một đô thị thông thường (sản xuất hàng hóa nông nghiệp, công nghiệp và cư trú dân số dân cư lớn, cung cấp dịch vụ phục vụ đời sống cho dân cư tại chỗ) để tập trung vào các chức năng quan trọng, có giá trị gia tăng cao (trung tâm hành chính nhà nước, hoạt động ngoại giao, tài chính quốc tế, trung tâm khoa học cơ bản,...). Trừ các khu vực phục vụ du lịch, cần bỏ bớt các nhiệm vụ sản xuất, kể cả của các thành phố thông thường như nông nghiệp đô thị, khu phố sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, khu công nghiệp công nghệ cao, các trung tâm dịch vụ đầu ngành như bệnh viện, đại học để chấm dứt cạnh tranh ngang với các địa phương xung quanh.

Phát triển hệ thống giao thông lan tỏa từ trung tâm kết nối ra ngoại vi, kết nối đường sắt nội đô và ngoại thành, phát triển đường thủy, hoàn chỉnh hệ thống đường vành đai, hạn chế xây dựng nhà cao tầng ở trung tâm, giãn bớt cư dân ra sống thoáng đãng, xanh đẹp hơn tại các đô thị vệ tinh. Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng và dịch vụ phục vụ đời sống chất lượng cao và đưa hoạt động sản xuất công nghiệp và dịch vụ ra các thành phố bên ngoài. Hà Nội hỗ trợ cho vùng trung du Bắc Bộ, thành phố



Hồ Chí Minh hỗ trợ cho vùng Đông Nam Bộ.

Các vùng kinh tế xã hội đa dạng của Việt Nam cần hình thành các thành phố trung tâm làm trung tâm dịch vụ hậu cần toàn vùng nối với các thị trường lớn (sân bay, cảng biển nước sâu, đầu mối đường cao tốc, đường sắt với hệ thống kho tàng, bến bãi, sàn giao dịch); đồng thời là trung tâm khoa học công nghệ (viện nghiên cứu, đại học, dạy nghề) cung cấp giải pháp công nghệ, nhân lực chuyên gia cho các ngành sản xuất chính của vùng. Nếu Hải Phòng làm trung tâm vùng đồng bằng sông Hồng, Vinh/Thanh Hóa là trung tâm duyên hải Bắc Bộ, Đà Nẵng là trung tâm duyên hải Nam Bộ, Buôn Mê Thuột là trung tâm Tây Nguyên, Cần Thơ là trung tâm đồng bằng sông Cửu Long thì không chỉ Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng mà 4 vùng khác đều có điều kiện phát triển kinh tế. Đây phải là những thành phố “đáng sống” có hệ thống dịch vụ dân sinh đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế với cơ sở hạ tầng hiện đại, chất lượng cao thu hút cư dân cao cấp (doanh nhân, nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia cao cấp) về sinh sống và làm việc lâu dài và thu hút khách du lịch, khách sử dụng dịch vụ tạo điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở các vùng kinh tế.

Các thành phố trung tâm vùng lại phân cấp chức năng cho các thành phố tỉnh và đô thị thấp hơn về hành chính, sản xuất, dịch vụ để đô thị hóa toàn quốc. Trong từng vùng, các khu công nghiệp đầu mối và trung tâm dịch vụ gắn sản xuất nguyên, vật liệu với lắp ráp sản phẩm tổng thành, kết nối thị trường. Các khu công nghiệp lớn (chế xuất, công nghiệp cao, công nghiệp chế biến chế tạo), dịch vụ lớn (trung tâm thể thao, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật) được bố trí ở thành phố trung tâm. Dịch vụ phục vụ đời sống phân cấp cho tỉnh (bệnh viện chuyên khoa, đại học tổng hợp, phức hợp văn hóa thể thao).

### **3. Đổi mới thể chế tổ chức là khâu đột phá để đổi mới mô hình tăng trưởng một cách thực chất.**

Kinh tế hộ gia đình hiện nay là lực lượng chủ lực của nền kinh tế quốc gia về đóng góp tăng trưởng và tạo ra công ăn việc làm cho lao động. Để mở đường cho nó tiếp tục vươn lên thành doanh nghiệp và giải phóng lực lượng lao động tài nguyên nhân lực khổng lồ của đất nước, con đường hợp lý nhất hiện nay là đặc biệt ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã. Kinh nghiệm thế giới cho thấy hợp tác xã là tổ chức tốt nhất cung cấp dịch vụ hỗ trợ, mở đường tiến lên cho kinh tế hộ tự tích lũy phát triển nội lực, tạo đột phá để khởi nghiệp (Thông qua các hoạt động thông tin thị trường, bảo vệ pháp luật và xã hội, đào tạo, quyền đại diện,

v.v.)<sup>10</sup>. Hầu hết lao động phi chính thức làm việc trong kinh tế hộ hoặc với cá nhân tự do. Chính thức kinh tế hộ thông qua việc hình thành các hợp tác xã sẽ chính thức hóa lực lượng lao động phi chính thức, cho phép nâng cao năng suất lao động, giải phóng thị trường đất nông nghiệp.

Các hiệp hội doanh nghiệp cũng phải đổi mới để thực sự đóng vai trò đại diện cho các doanh nghiệp và cung cấp dịch vụ phục vụ thành viên. Doanh nghiệp đầu tàu chế biến, lắp ráp thành phẩm, sử dụng sản phẩm trung gian của mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh gia công chi tiết xung quanh. Các doanh nghiệp vệ tinh lại liên kết sử dụng nguyên liệu, phụ liệu của doanh nghiệp cung cấp vật tư thiết bị đầu vào. Các hệ sinh thái doanh nghiệp tạo ra môi trường phát triển chuỗi giá trị chuyên ngành. Song song là các dịch vụ cung cấp điện, nước, xử lý môi trường, các cơ quan nghiên cứu khoa học, trung tâm đào tạo công nhân kỹ thuật, dịch vụ hỗ trợ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, v.v. phục vụ đời sống công nhân.

Đổi mới tổ chức thể chế phải trở thành mũi đột phá cho đổi mới nguồn tăng trưởng. Doanh nghiệp lớn kết nối, dẫn dắt các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò mở đường, dẫn dắt kết nối thị trường, phát triển khoa học công nghệ, sau đó nhường lối, tạo điều kiện để doanh nghiệp trong nước có cơ hội phát triển thành lực lượng chủ lực của nền kinh tế Việt Nam. phát triển hợp tác xã làm đầu tàu để dẫn dắt phát triển kinh tế hộ. Đây cũng là quá trình đổi mới thượng tầng kiến trúc của đất nước trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước phải đổi mới sang hướng kiến tạo, các tổ chức đoàn thể cần phát triển theo hướng cộng đồng hóa phục vụ nhân dân.

#### **4. Ưu tiên phát triển đa dạng ngành nghề theo lợi thế không gian từng vùng, miền trong cả nước**

Song song với việc phát triển công nghiệp chế biến chế tạo tại những vùng có lợi thế như Đông Nam Bộ, Trung du Bắc Bộ,... tại các vùng có lợi thế về nông nghiệp như Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long cần xây dựng các khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp (sản xuất vật tư, thiết bị, nguyên liệu đầu vào và chế biến nông sản đầu ra) gắn với các vùng chuyên canh cung cấp nguyên liệu nông sản đảm bảo tiêu chuẩn thị trường. Xây dựng hệ thống dịch vụ hậu cần chuyên dụng

---

<sup>10</sup> Martha Alter Chen, *The informal economy: Definitions, theories and policies*. WIEGO Working Paper (2006); Martha Alter Chen, *Rethinking the informal economy: Linkages with the formal economy and the formal regulatory environment*, DESA Working Paper (2007)

(kho tàng, bến bãi, cảng biển, sân bay, chuỗi lạnh, v.v.) theo hướng đa dạng để phục vụ cả cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, cả chăn nuôi và thủy sản. Đưa về đây các viện nghiên cứu và trường đại học, cơ sở đào tạo chuyên ngành. Đầu tư dứt điểm để hình thành hệ thống giao thông thủy nối với cảng nước sâu ở đồng bằng sông Cửu Long, đường cao tốc và đường sắt nối Tây Nguyên với cảng nước sâu ở ven biển Nam Trung Bộ, thay cho chuyển hàng qua thành phố Hồ Chí Minh và lên biên giới phía Bắc bằng xe tải như hiện nay.

Bắc Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, cần gắn phát triển nông thôn với đô thị hóa. Xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ của các ngành hỗ trợ như bệnh viện, trường học, các trung tâm văn hóa, hệ thống thông tin, tin học, v.v. gắn với các cơ quan nghiên cứu và đào tạo cao cấp. Như vậy có thể đảm bảo nâng cao thể chất, bảo vệ sức khỏe, phổ cập văn hóa và tay nghề chuyển lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Phát triển cộng đồng và tổ chức tốt nghiệp đoàn, hợp tác xã, phát triển các doanh nghiệp đầu tư phát triển dịch vụ. Ngành dịch vụ phải phát triển từ phục vụ cư dân tại chỗ lên thành ngành kinh doanh thương mại. Chuyển từ các dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt (y tế, giáo dục, du lịch, giúp việc nhà, chăm sóc người già, v.v.) sang phục vụ các nhu cầu kinh tế như ngành giao thông, vận tải (lái xe, thủy thủ, phi hành đoàn); nhà hàng-khách sạn (đầu bếp, phục vụ bàn); xây dựng (kiến trúc, thợ xây, thợ mộc), nông nghiệp, tin học, giải trí, v.v. Chuyển dần từ phục vụ thị trường trong nước sang xuất khẩu.

Ở vùng Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long phát triển ưu thế kinh tế biển cần đi kèm các hoạt động công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ (công nghiệp đóng tàu, du lịch, vận tải biển, chế biến thủy sản, sản xuất năng lượng tái tạo, v.v.). Thiết lập các viện nghiên cứu kết hợp với các trường đại học về hải dương, thủy sản để tạo cơ sở khoa học công nghệ, dịch vụ phụ trợ để hình thành các cụm công nghiệp, trung tâm logistic trong bờ và các vùng kinh tế trên biển đảo, gắn chặt với nhiệm vụ an ninh quốc phòng. Chuyển phần lớn ngư dân đánh bắt hải sản sang nuôi trồng hải sản và các nghề phi nông nghiệp, khôi phục lại rừng, sinh cảnh ven biển và đảm bảo trữ lượng thủy sinh tái tạo và phát triển vững bền. Vùng đồng bằng sông Cửu Long phải quản lý tốt khai thác nước ngầm, đưa nước ngọt ra phục vụ vùng ven, chấm dứt sụt lở bờ, tiến ra nuôi trồng, chế biến trên biển, nhất là vùng biển Tây không có bão.

33 năm trước, đúng vào thời điểm thế giới bước vào giai đoạn bất định sau khi Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa sụp đổ thì nhờ chính sách đột phá trong sản

xuất nông nghiệp, Việt Nam bất ngờ vươn lên sản xuất ra 24,4 triệu tấn thóc, đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu 1,4 triệu tấn gạo cùng nhiều nông sản, giảm 2/3 thâm hụt thương mại, ổn định lại kinh tế vĩ mô. Vào thời điểm đó, nếu không có quyết sách về Khoản 10 đã được chuẩn bị từ Chỉ thị 100 trước đó 8 năm từng bước thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, thì Việt Nam đã để lỡ thời cơ. Trong giai đoạn thế giới biến động hiện nay, nông nghiệp phải là nền tảng kinh tế xã hội, nông thôn luôn là lá phổi và không gian phòng vệ cho đất nước vững bền! và hơn thế nữa, nông dân phải đóng góp mạnh mẽ vào nguồn lực con người để đưa đất nước nhanh chóng vượt qua mức thu nhập trung bình, tiến lên hiện đại. Muốn vậy phải kiên quyết đổi mới mô hình tăng trưởng ngay từ hôm nay./.